

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		442.067.158.218	141.558.689.076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	70.310.820.063	29.504.848.389
1. Tiền	111		70.310.820.063	29.504.848.389
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	13.252.298.500	2.752.298.500
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.540.156.522	3.040.156.522
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		(287.858.022)	(287.858.022)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		342.643.294.798	99.775.762.726
1. Phải thu khách hàng	131		239.946.001.755	37.605.143.574
2. Trả trước cho người bán	132		72.896.747.633	17.412.183.960
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	40.521.562.488	58.743.305.940
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(10.721.017.078)	(13.984.870.748)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	2.389.360.030	681.959.156
1. Hàng tồn kho	141		2.389.360.030	681.959.156
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.471.384.827	8.843.820.305
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	56.999.251
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.305.235.724	6.108.658.061
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		37.315.554	37.834.494
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	10.128.833.549	2.640.328.499
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		597.700.151.466	421.391.255.917
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		658.307.697	16.648.466.143
1. Các khoản phải thu dài hạn khác	218		658.307.697	16.648.466.143
II. Tài sản cố định	220		182.279.766.007	163.527.432.863
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	5.589.627.062	4.531.049.120
- Nguyên giá	222		9.281.618.525	20.519.605.935
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.691.991.463)	(15.988.556.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	116.375.279	205.575.275
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(558.935.820)	(469.735.824)
3. Chi phí XDCB dở dang	230	V.8	176.573.763.666	158.790.808.468
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	91.231.587.676	91.231.587.676
- Nguyên giá			91.231.587.676	91.231.587.676
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	259.703.583.340	85.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	251		204.983.583.340	85.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	253		54.720.000.000	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		63.826.906.746	64.983.769.235
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	63.826.906.746	64.983.769.235
C LỢI THẾ THƯƠNG MẠI			34.125.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.073.892.309.684	562.949.944.993

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 01-DN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		126.942.623.535	99.228.594.971
I. Nợ ngắn hạn	310		126.942.623.535	99.228.594.971
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	64.206.129.928	61.620.002.110
2. Phải trả người bán	312		43.952.202.311	10.698.147.160
3. Người mua trả tiền trước	313		4.529.754.014	5.541.308.515
4. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	12.060.195.327	10.724.054.802
5. Phải trả người lao động	315		522.097.254	380.919.995
6. Chi phí phải trả	316	V.14	953.023.158	2.092.927.021
7. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	697.175.877	8.139.189.702
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22.045.666	32.045.666
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		902.227.285.963	433.879.321.550
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.16	902.227.285.963	433.879.321.550
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		750.000.000.000d	375.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.844.528.000	50.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		102.382.757.963	8.879.321.550
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		44.722.400.186	29.842.028.472
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.073.892.309.684	562.949.944.993

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		972.70	940.69
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quảng Nam, ngày 10 tháng 02 năm 2015



TRẦN XUÂN HIẾU
Tổng Giám đốc

LÊ KHIẾU PHƯƠNG
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	VI.1	123.059.740.442	19.323.102.942	432.373.128.077	186.935.111.658
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	344.309.164
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	123.059.740.442	19.323.102.942	432.373.128.077	186.590.802.494
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	VI.2	121.333.811.441	22.515.634.720	349.546.503.819	178.529.345.908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20	VI.3	1.725.929.001	(3.192.531.778)	82.826.624.258	8.061.456.586
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	17.460.398.532	16.638.584.439	29.696.011.350	81.403.490.450
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	1.088.471.485	1.333.030.353	6.205.257.946	11.518.382.937
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		863.686.657	1.759.054.031	5.951.137.988	11.700.425.212
8. Chi phí bán hàng	24		10.875.000	33.268.182	196.540.470	6.784.887.076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.058.543.113	2.184.902.913	8.677.243.593	20.796.981.040
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		15.028.437.935	9.894.851.213	97.443.593.599	50.364.695.983
11. Thu nhập khác	31		504.714.471	1.010.543.876	7.193.772.585	82.029.812.235
12. Chi phí khác	32		40.830.183	440.207.936	3.982.769.329	38.874.603.476
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		463.884.288	570.335.940	3.211.003.256	43.155.208.759
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.492.322.223	10.465.187.153	100.654.596.855	93.519.904.742
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	3.593.544.859	2.734.012.120	7.773.855.119	10.660.431.080
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.898.777.364	7.731.175.033	92.880.741.736	82.859.473.662
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		36.460.112	(32.695.321)	(622.694.678)	(142.754.120)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (62 = 60 - 61)	62		11.862.317.252	7.763.870.354	93.503.436.414	83.002.227.782
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	158	308	1.812	2.213

Quảng Nam, ngày 10 tháng 02 năm 2015



TRẦN XUÂN HIẾU
Tổng Giám đốc

LÊ KHIẾU PHƯƠNG
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Người lập biểu

11/01/2015 09:13:11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	239.463.316.618	216.309.669.546
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(470.107.696.564)	(182.090.507.296)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.007.377.717)	(11.452.393.804)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.713.723.236)	(11.749.379.126)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(10.655.199.417)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	543.961.957.327	22.552.430.158
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(496.415.406.107)	(19.612.819.569)
Lưu chuyển tiền thuần từ H động kinh doanh	20	(204.474.129.096)	13.956.999.909
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác	21	(5.383.344.017)	(87.271.726.233)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22	-	4.896.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(116.672.000.000)	(2.660.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	211.359.000.000	1.320.782.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(91.103.583.340)	(92.819.110.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.500.000.000	218.617.311.684
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.006.740.115	651.346.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.706.812.758	42.734.967.588
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	257.398.900.000	20.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	84.981.038.798	126.139.361.602
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(99.881.910.980)	(179.890.243.712)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	74.957.507	(39.937.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	242.572.985.325	(33.790.819.610)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	40.805.668.987	22.901.147.887
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.504.848.389	6.603.409.430
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	302.687	291.072
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	70.310.820.063	29.504.848.389

Quảng Nam, ngày tháng 02 năm 2015



TRẦN XUÂN HIẾU
Tổng Giám đốc

LÊ KHIẾU PHƯƠNG
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 09-DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 09 năm 2014 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong)...); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm); Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Khai thác quặng đồng; Khai thác quặng sắt; Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại); Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại); Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ; Sản xuất phân bón và hợp chất ni to; Bán buôn giấy các loại; Hoạt động viễn thông có dây; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Hoạt động viễn thông không dây; Tim kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm)...

Trụ sở chính Công ty tại: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Quảng Nam.

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Khoáng sản Việt Hàn
Địa chỉ: Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
2. Công ty Cổ phần Cao Su Việt Hàn
Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam
3. Công ty TNHH Quê Việt - Quảng Nam
Địa chỉ: Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Develyn
Địa chỉ: Số 09 Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết. Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá là Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	3

9. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định tương tự của Công ty. Bất động sản đầu tư của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao đối với tài sản này.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

11. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>32/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Tiền mặt	17.099.992.407	1.055.765.899
Tiền gửi ngân hàng	53.210.827.656	28.449.082.490
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>70.310.820.063</u>	<u>29.504.848.389</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư chứng khoán (i)	380.156.522	380.156.522
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	2.660.000.000	2.660.000.000
Cho vay ngắn hạn	10.500.000.000	-
Cộng	<u>13.540.156.522</u>	<u>3.040.156.522</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (i)	(287.858.022)	(287.858.022)
Đầu tư ngắn hạn thuần	<u>13.252.298.500</u>	<u>2.752.298.500</u>

(i) Chi tiết cổ phiếu đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị theo sổ sách	Giảm so với giá thị trường	Giá trị theo giá thị trường
Cổ tức bằng cổ phiếu				
PVX	500			
ACB	55			
Cổ phiếu				
VPH	741	30.156.522	23.858.022	6.298.500
VMG	20.000	350.000.000	264.000.000	86.000.000
Cộng		<u>380.156.522</u>	<u>287.858.022</u>	<u>92.298.500</u>

3. Các khoản phải thu khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Công ty CP Điện tử - Viễn thông - Tin học Bưu điện	665.618.333	665.618.333
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần Cty CP Kim Tín	-	19.500.000.000
Phải thu về chuyển nhượng CP Cty CP VLXD Việt Hàn	-	15.000.000.000
Phải thu về chuyển nhượng CP Cty TNHH Quê Việt QN	-	9.000.000.000
Phải thu về chuyển nhượng CP Cty CP ĐT DEVELUYN	25.000.000.000	-
Hợp tác kinh doanh khoáng sản	6.900.000.000	6.900.000.000
Phải thu khác	7.955.944.155	7.677.687.607
Cộng	<u>40.521.562.488</u>	<u>58.743.305.940</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.387.040.030	665.781.636
Công cụ, dụng cụ	2.320.000	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	-
Cộng	<u>2.389.360.030</u>	<u>665.781.636</u>

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Tạm ứng	9.851.331.474	2.339.061.997
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	277.502.075	301.266.502
Cộng	<u>10.128.833.549</u>	<u>2.640.328.499</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	15.263.259.853	1.934.759.431	1.096.403.333	320.437.168	1.904.746.150	20.519.605.935
Tăng trong kỳ	17.787.271	-	4.701.217.400	28.000.000	-	4.747.004.671
Giảm trong kỳ	(14.953.137.100)	(45.787.272)	(986.067.710)	-	-	(15.984.992.082)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(14.953.137.100)	-	-	-	-	(14.953.137.100)
<i>Giảm khác (*)</i>	-	(45.787.272)	(986.067.710)	-	-	(1.031.854.982)
Số cuối kỳ	327.910.024	1.888.972.159	4.811.553.023	348.437.168	1.904.746.150	9.281.618.524
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	11.857.157.531	960.312.917	998.706.599	267.633.618	1.904.746.150	15.988.556.815
Tăng trong kỳ	447.721.404	127.195.475	246.439.614	26.687.268	-	848.043.761
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	447.721.404	127.195.475	246.439.614	26.687.268	-	848.043.761
Giảm trong kỳ	(12.158.541.404)	-	(986.067.710)	-	-	(13.144.609.114)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(12.158.541.404)	-	-	-	-	(12.158.541.404)
<i>Giảm khác</i>	-	-	(986.067.710)	-	-	(986.067.710)
Số cuối kỳ	146.337.531	1.087.508.392	259.078.503	294.320.886	1.904.746.150	3.691.991.462
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	3.406.102.322	974.446.514	97.696.734	52.803.550	-	4.531.049.120
Số cuối kỳ	181.572.493	801.463.767	4.552.474.520	54.116.282	-	5.589.627.062

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 2.156.986.955 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ cảm có, thế chấp tại thời điểm 31/12/2014 là 0 đồng.

18 /
TY
AN
AO
NA
TQ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	-	675.311.099	675.311.099
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	675.311.099	675.311.099
Giá trị mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	469.735.824	469.735.824
Tăng trong kỳ	-	89.199.996	89.199.996
Khấu hao trong kỳ	-	89.199.996	89.199.996
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	558.935.820	558.935.820
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	205.575.275	205.575.275
Số cuối kỳ	-	116.375.279	116.375.279

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	31/12/2013
Bất động sản đầu tư (KCN An Luru)	8.910.019.214	8.910.019.214
Dự án cao ốc D'Evelyn (Lotus Plaza)	13.389.281.565	13.476.200.655
Mua nhà và đất 243/11 Nguyễn Văn Hường	-	19.000.000.000
Dự án trồng cây cao su	151.651.848.189	115.156.993.001
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	2.622.614.698	2.247.595.598
Cộng	176.573.763.666	158.790.808.468

9. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	91.231.587.676	-	91.231.587.676
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	91.231.587.676	-	91.231.587.676
Giá trị mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	91.231.587.676	-	91.231.587.676
Số cuối kỳ	91.231.587.676	-	91.231.587.676

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo 16

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Công ty TNHH TM Hoài Mỹ	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Quảng Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Cao su sao vàng	119.983.583.340	-
Cộng	<u>204.983.583.340</u>	<u>85.000.000.000</u>

Đầu tư dài hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Công ty CP Cao Su Miền Nam	54.720.000.000	-
Cộng	<u>54.720.000.000</u>	<u>-</u>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Chi phí phân bổ dài hạn của VPDN	715.823.510	741.768.823
Chi phí thuê đất	63.111.083.236	64.242.000.412
Cộng	<u>63.826.906.746</u>	<u>64.983.769.235</u>

12. Vay ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Vay ngắn hạn	64.206.129.928	61.620.002.110
<i>NH ĐT&PT Quảng Nam</i>	-	3.856.247.240
<i>NH TMCP Đông Á Quảng Nam</i>	1.471.637.738	56.813.754.870
<i>Nguyễn Thắng Lợi</i>	-	800.000.000
<i>Trần Văn Thuận</i>	-	150.000.000
<i>Công ty chứng khoán NH NN&PTNT</i>	4.887.990.500	-
<i>Công ty chứng khoán MB</i>	6.398.001.302	-
<i>Công ty chứng khoán SHS</i>	3.984.742.563	-
<i>Công ty chứng khoán SSI</i>	47.363.757.825	-
<i>Đinh Thị Thủy Hạnh</i>	100.000.000	-
Cộng	<u>64.206.129.928</u>	<u>61.620.002.110</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Thuế giá trị gia tăng	4.243.773.408	21.360.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.773.855.120	10.660.431.080
Thuế thu nhập cá nhân	42.566.799	42.263.722
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	<u>12.060.195.327</u>	<u>10.724.054.802</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

14. Chi phí phải trả

	31/12/2014	31/12/2013
Lãi vay phải trả	-	84.692.364
Chi phí phải trả khác	953.023.158	2.008.234.657
Cộng	953.023.158	2.092.927.021

15. Các khoản phải trả phải, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	31/12/2013
Kinh phí công đoàn	99.546.331	73.735.455
Bảo hiểm xã hội, y tế, TN	12.210.430	42.813.915
Các khoản phải trả, phải nộp khác	585.419.116	8.022.640.332
Cộng	697.175.877	8.139.189.702

16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	250.000.000.000	175.000.000.000	(66.138.123.640)	358.861.876.360
Tăng trong năm	125.000.000.000	-	83.017.445.190	208.017.445.190
Tăng vốn trong năm	125.000.000.000	-	-	125.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	83.002.227.782	83.002.227.782
Điều chỉnh hợp nhất			15.217.408	15.217.408
				(133.000.000.000)
Giảm trong năm	-	(125.000.000.000)	(8.000.000.000))
Số cuối năm trước/Số đầu năm nay	375.000.000.000	50.000.000.000	8.879.321.550	433.879.321.550
Tăng trong kỳ	375.000.000.000	-	93.503.436.413	468.503.436.413
Tăng vốn trong kỳ	375.000.000.000	-	-	375.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	93.503.436.413	93.503.436.413
Giảm trong kỳ	-	(155.472.000)	-	(155.472.000)
Số cuối kỳ	750.000.000.000	49.844.528.000	102.382.757.963	902.227.285.963

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	75.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Tổng doanh thu				
Doanh thu bán hàng	123.059.740.442	19.323.102.942	432.373.128.077	186.935.111.658
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu				
Hàng bán bị trả lại	-	-	-	344.309.164
Doanh thu thuần	123.059.740.442	19.323.102.942	432.373.128.077	186.590.802.494

2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn hàng bán	121.333.811.441	22.515.634.720	349.546.503.819	178.529.345.908
Giá vốn dịch vụ	-	-	-	-
Cộng	121.333.811.441	22.515.634.720	349.546.503.819	178.529.345.908

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi, cho vay	2.456.581.630	143.246.252	6.505.215.065	659.609.900
Lãi CLTG đã thực hiện	3.816.902	(1.419.295)	33.558.944	233.161.585
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	48.000.000	-	124.837.675
Lãi từ chuyển nhượng vốn	15.000.000.000	16.250.000.000	23.100.000.000	79.834.211.881
Chiết khấu thanh toán	-	198.757.482	57.237.341	551.669.409
Cộng	17.460.398.532	16.638.584.439	29.696.011.350	81.403.490.450

4. Chi phí tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí lãi vay	863.686.657	1.759.054.031	5.951.137.988	11.700.425.212
Lỗ CLTG đã thực hiện	-	24.125.426	29.283.442	235.157.944
Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn	-	(451.068.932)	-	(2.062.188.500)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-	-	1.643.650.000
Chi phí tài chính khác	224.784.828	919.828	224.836.516	1.338.281
Cộng	1.088.471.485	1.333.030.353	6.205.257.946	11.518.382.937

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý IV/2014	Quý IV/2013
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.492.322.223	10.465.187.153
Điều chỉnh tăng	1.892.253.791	346.701.509
Điều chỉnh giảm	168.029.606	48.000.000
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	17.216.546.408	10.763.888.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.593.544.859	2.734.012.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.593.544.859	2.734.012.120

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Quý IV/2014	Quý IV/2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế	11.862.317.252	7.763.870.354
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.862.317.252	7.763.870.354
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	75.000.000	25.239.726
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	158	308

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

Trong kỳ hoạt động kinh doanh, Công ty không có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	Quý IV/2014	Quý IV/2013
Lương, thưởng	120.000.000	120.000.000
Cộng	120.000.000	120.000.000

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.310.820.063	29.504.848.389
Đầu tư ngắn hạn	13.252.298.500	2.752.298.500
Phải thu khách hàng	239.946.001.755	37.605.143.574
Các khoản phải thu khác	40.521.562.488	58.743.305.940
Ký quỹ dài hạn	-	301.266.502
Cộng	364.030.682.806	128.906.862.905
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	64.206.129.928	61.620.002.110
Phải trả người bán	43.952.202.311	10.698.147.160
Cộng	108.158.332.239	72.318.149.270

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá của cổ phiếu

Rủi ro về giá của cổ phiếu là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư,.. Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng,...).

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng): chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản: Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai thác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành. Công ty tin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10,5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	64.206.129.928	-	-	64.206.129.928
Phải trả người bán	43.952.202.311	-	-	43.952.202.311
Cộng	108.158.332.239	-	-	108.158.332.239
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	70.310.820.063	-	-	70.310.820.063
Đầu tư ngắn hạn	13.252.298.500	-	-	13.252.298.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải thu khách hàng	239.946.001.755	-	-	239.946.001.755
Các khoản phải thu khác	40.521.562.488	-	-	40.521.562.488
Ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
Cộng	364.030.682.806	-	-	364.030.682.806
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối kỳ	255.872.350.567	-	-	255.872.350.567
Số đầu kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	61.620.002.110	-	-	61.620.002.110
Phải trả người bán	10.698.147.160	-	-	10.698.147.160
Cộng	72.318.149.270	-	-	72.318.149.270
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	29.504.848.389	-	-	29.504.848.389
Đầu tư ngắn hạn	2.752.298.500	-	-	2.752.298.500
Phải thu khách hàng	37.605.143.574	-	-	37.605.143.574
Các khoản phải thu khác	58.743.305.940	-	-	58.743.305.940
Ký quỹ ngắn hạn	301.266.502	-	-	301.266.502
Cộng	128.906.862.905	-	-	128.906.862.905
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu kỳ	56.588.713.635	-	-	56.588.713.635

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Quảng Nam, ngày 10 tháng 02 năm 2015



TRẦN XUÂN HIẾU
Tổng Giám đốc

LÊ KHIẾU PHƯƠNG
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Người lập biểu